



PHỤ LỤC IV

DANH MỤC KỸ THUẬT VÀ MÃ KỸ THUẬT Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Phần kèm theo Quyết định số 2552/QĐ-BYT ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Bộ Y tế)
Danh mục kỹ thuật, mã kỹ thuật thực hiện đến ngày 30/06/2026

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810000	1392	03. Nhi khoa	Từ châm	3.271
3810001	1393	03. Nhi khoa	Laser châm	3.272
3810002	1394	03. Nhi khoa	Mai hoa châm	3.273
3810003	1395	03. Nhi khoa	Kéo nắn cột sống cổ	3.274
3810004	1396	03. Nhi khoa	Kéo nắn cột sống thắt lưng	3.275
3810005	1397	03. Nhi khoa	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	3.276
3810006	1398	03. Nhi khoa	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	3.277
3810007	1399	03. Nhi khoa	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	3.278
3810008	1400	03. Nhi khoa	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	3.279
3810009	1401	03. Nhi khoa	Xông thuốc bằng máy	3.280
3810010	1402	03. Nhi khoa	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	3.281
3810011	1403	03. Nhi khoa	Xông hơi thuốc	3.282
3810012	1404	03. Nhi khoa	Xông khói thuốc	3.283
3810013	1405	03. Nhi khoa	Sắc thuốc thang	3.284
3810014	1406	03. Nhi khoa	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	3.285
3810015	1407	03. Nhi khoa	Đặt thuốc YHCT	3.286
3810016	1408	03. Nhi khoa	Bó thuốc	3.287
3810017	1409	03. Nhi khoa	Chườm ngải	3.288
3810018	1410	03. Nhi khoa	Hào châm	3.289
3810019	1411	03. Nhi khoa	Nhĩ châm	3.290
3810020	1412	03. Nhi khoa	Ôn châm	3.291
3810021	1413	03. Nhi khoa	Chích lễ	3.292
3810022	1414	03. Nhi khoa	Luyện tập dưỡng sinh	3.293
3810023	1415	03. Nhi khoa	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	3.294
3810024	1416	03. Nhi khoa	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	3.295
3810025	1417	03. Nhi khoa	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	3.296
3810026	1418	03. Nhi khoa	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	3.297

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810027	1419	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị liệt do bệnh của cơ	3.298
3810028	1420	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh	3.299
3810029	1421	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị teo cơ	3.300
3810030	1422	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh tọa	3.301
3810031	1423	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị bại não	3.302
3810032	1424	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	3.303
3810033	1425	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị khàn tiếng	3.304
3810034	1426	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị động kinh cục bộ	3.305
3810035	1427	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị tâm căn suy nhược	3.306
3810036	1428	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau đầu	3.307
3810037	1429	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau nửa đầu	3.308
3810038	1430	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị stress	3.309
3810039	1431	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	3.310
3810040	1432	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	3.311
3810041	1433	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị liệt VII ngoại biên	3.312
3810042	1434	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị bệnh hó mắt	3.313
3810043	1435	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị viêm kết mạc	3.314
3810044	1436	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	3.315
3810045	1437	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị giảm thị lực do teo gai thị	3.316
3810046	1438	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền đình	3.317
3810047	1439	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị giảm thính lực	3.318
3810048	1440	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị thất ngôn	3.319
3810049	1441	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị hen phế quản	3.320
3810050	1442	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị tăng huyết áp	3.321
3810051	1443	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị huyết áp thấp	3.322
3810052	1444	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh liên sườn	3.323
3810053	1445	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau ngực, sườn	3.324

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810054	1446	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị trĩ	3.325
3810055	1447	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị sa dạ dày	3.326
3810056	1448	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau dạ dày	3.327
3810057	1449	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị viêm da thần kinh	3.328
3810058	1450	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị viêm khớp dạng thấp	3.329
3810059	1451	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị thoái hóa khớp	3.330
3810060	1452	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau lưng	3.331
3810061	1453	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau mỏi cơ	3.332
3810062	1454	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị viêm quanh khớp vai	3.333
3810063	1455	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy	3.334
3810064	1456	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị chứng tic	3.335
3810065	1457	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	3.336
3810066	1458	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị cơn đau quận thận	3.337
3810067	1459	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị viêm tuyến vú, tắc tia sữa	3.338
3810068	1460	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	3.339
3810069	1461	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị chứng táo bón	3.340
3810070	1462	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiêu hóa	3.341
3810071	1463	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đái dầm	3.342
3810072	1464	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị bí đái	3.343
3810073	1465	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	3.344
3810074	1466	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị béo phì	3.345
3810075	1467	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	3.346
3810076	1468	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	3.347
3810077	1469	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	3.348
3810078	1470	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do ung thư	3.349
3810079	1471	03. Nhi khoa	Điện mẫn châm điều trị đau răng	3.350
3810080	1472	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	3.351
3810081	1473	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	3.352

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810082	1474	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	3.353
3810083	1475	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	3.354
3810084	1476	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị bại não	3.355
3810085	1477	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	3.356
3810086	1478	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	3.357
3810087	1479	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	3.358
3810088	1480	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	3.359
3810089	1481	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	3.360
3810090	1482	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	3.361
3810091	1483	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm cai thuốc lá	3.362
3810092	1484	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	3.363
3810093	1485	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	3.364
3810094	1486	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	3.365
3810095	1487	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	3.366
3810096	1488	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	3.367
3810097	1489	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	3.368
3810098	1490	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	3.369
3810099	1491	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	3.370
3810100	1492	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	3.371
3810101	1493	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	3.372
3810102	1494	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị sụp mi	3.373
3810103	1495	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hồ mắt	3.374
3810104	1496	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	3.375
3810105	1497	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	3.376
3810106	1498	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị lác	3.377
3810107	1499	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	3.378
3810108	1500	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng	3.379
3810109	1501	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	3.380
3810110	1502	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	3.381
3810111	1503	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	3.382

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810112	1504	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	3.383
3810113	1505	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	3.384
3810114	1506	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	3.385
3810115	1507	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	3.386
3810116	1508	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	3.387
3810117	1509	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	3.388
3810118	1510	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	3.389
3810119	1511	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị sa dạ dày	3.390
3810120	1512	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	3.391
3810121	1513	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	3.392
3810122	1514	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	3.393
3810123	1515	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ	3.394
3810124	1516	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	3.395
3810125	1517	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	3.396
3810126	1518	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	3.397
3810127	1519	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	3.398
3810128	1520	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	3.399
3810129	1521	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	3.400
3810130	1522	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	3.401
3810131	1523	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	3.402
3810132	1524	03. Nhi khoa	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	3.403
3810133	1525	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt	3.404
3810134	1526	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	3.405
3810135	1527	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	3.406
3810136	1528	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	3.407
3810137	1529	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	3.408
3810138	1530	03. Nhi khoa	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	3.409
3810139	1531	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị teo cơ	3.410
3810140	1532	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh tọa	3.411
3810141	1533	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị bại não	3.412
3810142	1534	03. Nhi khoa	Cấy chỉ điều trị bệnh tự kỷ	3.413

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810143	1535	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị chứng ù tai	3.414
3810144	1536	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị giảm khúu giác	3.415
3810145	1537	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	3.416
3810146	1538	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	3.417
3810147	1539	03. Nhi khoa	Cây chỉ cai thuốc lá	3.418
3810148	1540	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	3.419
3810149	1541	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	3.420
3810150	1542	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	3.421
3810151	1543	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị động kinh	3.422
3810152	1544	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	3.423
3810153	1545	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị mất ngủ	3.424
3810154	1546	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	3.425
3810155	1547	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	3.426
3810156	1548	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	3.427
3810157	1549	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	3.428
3810158	1550	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	3.429
3810159	1551	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị rối loạn tiền đình	3.430
3810160	1552	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	3.431
3810161	1553	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị thất ngôn	3.432
3810162	1554	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị viêm xoang	3.433
3810163	1555	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	3.434
3810164	1556	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị hen phế quản	3.435
3810165	1557	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	3.436
3810166	1558	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	3.437
3810167	1559	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị đau ngực, sườn	3.438
3810168	1560	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị trĩ	3.439
3810169	1561	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	3.440
3810170	1562	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị đau dạ dày	3.441
3810171	1563	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị nôn, nấc	3.442
3810172	1564	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị dị ứng	3.443
3810173	1565	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	3.444

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810174	1566	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị thoái hóa khớp	3.445
3810175	1567	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị đau lưng	3.446
3810176	1568	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị đau mỗi cơ	3.447
3810177	1569	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	3.448
3810178	1570	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	3.449
3810179	1571	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị viêm cơ cứng cơ delta	3.450
3810180	1572	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	3.451
3810181	1573	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị táo bón	3.452
3810182	1574	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị đái dầm	3.453
3810183	1575	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị bí đái	3.454
3810184	1576	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	3.455
3810185	1577	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị bướu cổ đơn thuần	3.456
3810186	1578	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	3.457
3810187	1579	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	3.458
3810188	1580	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	3.459
3810189	1581	03. Nhi khoa	Cây chỉ điều trị giảm đau do ung thư	3.460
3810190	1582	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	3.461
3810191	1583	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị liệt chi trên	3.462
3810192	1584	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị liệt chi dưới	3.463
3810193	1585	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị liệt nửa người	3.464
3810194	1586	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	3.465
3810195	1587	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị teo cơ	3.466
3810196	1588	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	3.467
3810197	1589	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị bại não	3.468
3810198	1590	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	3.469
3810199	1591	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị chứng ù tai	3.470
3810200	1592	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị giảm khứu giác	3.471
3810201	1593	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	3.472
3810202	1594	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị khàn tiếng	3.473
3810203	1595	03. Nhi khoa	Điện châm cai thuốc lá	3.474
3810204	1596	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	3.475

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810205	1597	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	3.476
3810206	1598	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	3.477
3810207	1599	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	3.478
3810208	1600	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị mất ngủ	3.479
3810209	1601	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị stress	3.480
3810210	1602	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	3.481
3810211	1603	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	3.482
3810212	1604	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	3.483
3810213	1605	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	3.484
3810214	1606	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị chắp lẹo	3.485
3810215	1607	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị sụp mi	3.486
3810216	1608	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	3.487
3810217	1609	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm kết mạc	3.488
3810218	1610	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	3.489
3810219	1611	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị lác	3.490
3810220	1612	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị giảm thị lực	3.491
3810221	1613	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	3.492
3810222	1614	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị giảm thính lực	3.493
3810223	1615	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị thất ngôn	3.494
3810224	1616	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	3.495
3810225	1617	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	3.496
3810226	1618	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị nôn nấc	3.497
3810227	1619	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	3.498
3810228	1620	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	3.499
3810229	1621	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm phần phụ	3.500
3810230	1622	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị rối loạn trí đại, tiểu tiện	3.501
3810231	1623	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị táo bón	3.502
3810232	1624	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	3.503
3810233	1625	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	3.504
3810234	1626	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị đái dầm	3.505

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810235	1627	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị bí đái	3.506
3810236	1628	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	3.507
3810237	1629	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị cảm cúm	3.508
3810238	1630	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	3.509
3810239	1631	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị béo phì	3.510
3810240	1632	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần	3.511
3810241	1633	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	3.512
3810242	1634	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	3.513
3810243	1635	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	3.514
3810244	1636	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	3.515
3810245	1637	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị đau răng	3.516
3810246	1638	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	3.517
3810247	1639	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	3.518
3810248	1640	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị hen phế quản	3.519
3810249	1641	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị tăng huyết áp	3.520
3810250	1642	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị huyết áp thấp	3.521
3810251	1643	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	3.522
3810252	1644	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị đau ngực sườn	3.523
3810253	1645	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	3.524
3810254	1646	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	3.525
3810255	1647	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	3.526
3810256	1648	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị đau lưng	3.527
3810257	1649	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	3.528
3810258	1650	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	3.529
3810259	1651	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	3.530
3810260	1652	03. Nhi khoa	Điện châm điều trị chứng tic	3.531
3810261	1653	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị liệt	3.532
3810262	1654	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị liệt chi trên	3.533
3810263	1655	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	3.534
3810264	1656	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị liệt nửa người	3.535
3810265	1657	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của	3.536

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
			cơ	
3810266	1658	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị teo cơ	3.537
3810267	1659	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	3.538
3810268	1660	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị bại não	3.539
3810269	1661	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ	3.540
3810270	1662	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị chứng ù tai	3.541
3810271	1663	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị giảm khứu giác	3.542
3810272	1664	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn	3.543
3810273	1665	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị khàn tiếng	3.544
3810274	1666	03. Nhi khoa	Thủy châm cai thuốc lá	3.545
3810275	1667	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	3.546
3810276	1668	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	3.547
3810277	1669	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị động kinh	3.548
3810278	1670	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	3.549
3810279	1671	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị mất ngủ	3.550
3810280	1672	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị stress	3.551
3810281	1673	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	3.552
3810282	1674	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	3.553
3810283	1675	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	3.554
3810284	1676	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	3.555
3810285	1677	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị sụp mi	3.556
3810286	1678	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị bệnh hồ mắt	3.557
3810287	1679	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	3.558
3810288	1680	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị lác	3.559
3810289	1681	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị giảm thị lực	3.560
3810290	1682	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	3.561
3810291	1683	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị giảm thính lực	3.562
3810292	1684	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị thất ngôn	3.563
3810293	1685	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị viêm xoang	3.564
3810294	1686	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng	3.565
3810295	1687	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị hen phế quản	3.566

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810296	1688	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị tăng huyết áp	3.567
3810297	1689	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	3.568
3810298	1690	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau vùng ngực	3.569
3810299	1691	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn	3.570
3810300	1692	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau ngực, sườn	3.571
3810301	1693	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị trĩ	3.572
3810302	1694	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị sa dạ dày	3.573
3810303	1695	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau dạ dày	3.574
3810304	1696	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị nôn, nấc	3.575
3810305	1697	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị bệnh vẩy nến	3.576
3810306	1698	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị dị ứng	3.577
3810307	1699	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp	3.578
3810308	1700	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị thoái hóa khớp	3.579
3810309	1701	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau lưng	3.580
3810310	1702	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau mỏi cơ	3.581
3810311	1703	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	3.582
3810312	1704	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy	3.583
3810313	1705	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị chứng tic	3.584
3810314	1706	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	3.585
3810315	1707	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	3.586
3810316	1708	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị cơn đau quặn thận	3.587
3810317	1709	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	3.588
3810318	1710	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị táo bón	3.589
3810319	1711	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	3.590
3810320	1712	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác	3.591
3810321	1713	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đái dầm	3.592
3810322	1714	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị bí đái	3.593
3810323	1715	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	3.594
3810324	1716	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị béo phì	3.595
3810325	1717	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị bướu cổ đơn thuần	3.596
3810326	1718	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	3.597

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810327	1719	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	3.598
3810328	1720	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	3.599
3810329	1721	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị giảm đau do ung thư	3.600
3810330	1722	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị đau răng	3.601
3810331	1723	03. Nhi khoa	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	3.602
3810332	1724	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	3.603
3810333	1725	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	3.604
3810334	1726	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	3.605
3810335	1727	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	3.606
3810336	1728	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	3.607
3810337	1729	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	3.608
3810338	1730	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	3.609
3810339	1731	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	3.610
3810340	1732	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	3.611
3810341	1733	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	3.612
3810342	1734	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ	3.613
3810343	1735	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	3.614
3810344	1736	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	3.615
3810345	1737	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	3.616
3810346	1738	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	3.617
3810347	1739	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	3.618
3810348	1740	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt cai thuốc lá	3.619
3810349	1741	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	3.620
3810350	1742	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	3.621
3810351	1743	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	3.622
3810352	1744	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	3.623

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810353	1745	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	3.624
3810354	1746	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	3.625
3810355	1747	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị stress	3.626
3810356	1748	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu máu não mạn tính	3.627
3810357	1749	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	3.628
3810358	1750	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	3.629
3810359	1751	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	3.630
3810360	1752	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	3.631
3810361	1753	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	3.632
3810362	1754	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác	3.633
3810363	1755	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực do teo gai thị	3.634
3810364	1756	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	3.635
3810365	1757	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực	3.636
3810366	1758	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	3.637
3810367	1759	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản	3.638
3810368	1760	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị tăng huyết áp	3.639
3810369	1761	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	3.640
3810370	1762	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau vùng ngực	3.641
3810371	1763	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	3.642
3810372	1764	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau ngực, sườn	3.643
3810373	1765	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau dạ dày	3.644
3810374	1766	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	3.645
3810375	1767	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	3.646
3810376	1768	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị thoái hóa khớp	3.647
3810377	1769	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	3.648
3810378	1770	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau mắt cơ	3.649
3810379	1771	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	3.650

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810380	1772	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	3.651
3810381	1773	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic	3.652
3810382	1774	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	3.653
3810383	1775	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	3.654
3810384	1776	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm cơ cứng cơ delta	3.655
3810385	1777	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	3.656
3810386	1778	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	3.657
3810387	1779	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hóa	3.658
3810388	1780	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác	3.659
3810389	1781	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái	3.660
3810390	1782	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	3.661
3810391	1783	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị béo phì	3.662
3810392	1784	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	3.663
3810393	1785	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	3.664
3810394	1786	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	3.665
3810395	1787	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	3.666
3810396	1788	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau răng	3.667
3810397	1789	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm	3.668
3810398	1790	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị sa trực tràng	3.669
3810399	1791	03. Nhi khoa	Xoa bóp bấm huyết điều trị hysteria	3.670
3810400	1792	03. Nhi khoa	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	3.671
3810401	1793	03. Nhi khoa	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	3.672
3810402	1794	03. Nhi khoa	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	3.673
3810403	1795	03. Nhi khoa	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	3.674
3810404	1796	03. Nhi khoa	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	3.675
3810405	1797	03. Nhi khoa	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	3.676
3810406	1798	03. Nhi khoa	Cứu điều trị liệt thể hàn	3.677
3810407	1799	03. Nhi khoa	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	3.678
3810408	1800	03. Nhi khoa	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	3.679
3810409	1801	03. Nhi khoa	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	3.680

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810410	1802	03. Nhi khoa	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	3.681
3810411	1803	03. Nhi khoa	Cứu điều trị bại não thể hàn	3.682
3810412	1804	03. Nhi khoa	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	3.683
3810413	1805	03. Nhi khoa	Cứu điều trị ù tai thể hàn	3.684
3810414	1806	03. Nhi khoa	Cứu điều trị giảm khúu giác thể hàn	3.685
3810415	1807	03. Nhi khoa	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	3.686
3810416	1808	03. Nhi khoa	Cứu điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy thể hàn	3.687
3810417	1809	03. Nhi khoa	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	3.688
3810418	1810	03. Nhi khoa	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	3.689
3810419	1811	03. Nhi khoa	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	3.690
3810420	1812	03. Nhi khoa	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	3.691
3810421	1813	03. Nhi khoa	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	3.692
3810422	1814	03. Nhi khoa	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	3.693
3810423	1815	03. Nhi khoa	Cứu điều trị bí đái thể hàn	3.694
3810424	1816	03. Nhi khoa	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	3.695
3810425	1817	03. Nhi khoa	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	3.696
3820000	5936	08. YHCT	Mai hoa châm	8.1
3820001	5937	08. YHCT	Hào châm	8.2
3820002	5938	08. YHCT	Mãng châm	8.3
3820003	5939	08. YHCT	Nhĩ châm	8.4
3820004	5940	08. YHCT	Điện châm	8.5
3820005	5941	08. YHCT	Thủy châm	8.6
3820006	5942	08. YHCT	Cấy chỉ	8.7
3820007	5943	08. YHCT	Ôn châm	8.8
3820008	5944	08. YHCT	Cứu	8.9
3820009	5945	08. YHCT	Chích lễ	8.10
3820010	5946	08. YHCT	laser châm	8.11
3820011	5947	08. YHCT	Từ châm	8.12
3820012	5948	08. YHCT	Kéo nắn cột sống cổ	8.13
3820013	5949	08. YHCT	Kéo nắn cột sống thắt lưng	8.14
3820014	5950	08. YHCT	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	8.15
3820015	5951	08. YHCT	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng	8.16

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
			phương pháp YHCT	
3820016	5952	08. YHCT	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	8.17
3820017	5953	08. YHCT	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	8.18
3820018	5954	08. YHCT	Xông thuốc bằng máy	8.19
3820019	5955	08. YHCT	Xông hơi thuốc	8.20
3820020	5956	08. YHCT	Xông khói thuốc	8.21
3820021	5957	08. YHCT	Sắc thuốc thang	8.22
3820022	5958	08. YHCT	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	8.23
3820023	5959	08. YHCT	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	8.24
3820024	5960	08. YHCT	Đặt thuốc YHCT	8.25
3820025	5961	08. YHCT	Bó thuốc	8.26
3820026	5962	08. YHCT	Chườm ngải	8.27
3820027	5963	08. YHCT	Luyện tập dưỡng sinh	8.28
3820028	5964	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt polyp một đoạn đại tràng phải cắt đoạn đại tràng phía trên làm hậu môn nhân tạo	8.29
3820029	5965	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cứng duỗi khớp gối đơn thuần	8.30
3820030	5966	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp và vết hạch cổ 2 bên	8.31
3820031	5967	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp, 1 thùy có vết hạch cổ 1 bên	8.32
3820032	5968	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt ung thư giáp trạng	8.33
3820033	5969	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt tuyến vú mở rộng có vết hạch	8.34
3820034	5970	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai	8.35
3820035	5971	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật glôcôm	8.36
3820036	5972	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, rửa hút các loại cataract già, bệnh lý, sa, lệch, vỡ	8.37
3820037	5973	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật lác thông thường	8.38
3820038	5974	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	8.39
3820039	5975	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u cuộn cảnh	8.40
3820040	5976	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u tuyến mang tai	8.41
3820041	5977	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	8.42
3820042	5978	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật xoang trán	8.43

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820043	5979	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u thành sau họng	8.44
3820044	5980	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt toàn bộ thanh quản	8.45
3820045	5981	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật sẹo hẹp thanh - khí quản	8.46
3820046	5982	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật trong mềm sụn thanh quản	8.47
3820047	5983	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt dây thanh	8.48
3820048	5984	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt dính thanh quản	8.49
3820049	5985	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật vùng chân bướm hàm	8.50
3820050	5986	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật vách ngăn mũi	8.51
3820051	5987	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt polyp mũi	8.52
3820052	5988	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật nạo xoang triệt để trong viêm xoang do răng	8.53
3820053	5989	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u nang giáp móng	8.54
3820054	5990	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u nang cạnh cổ	8.55
3820055	5991	08. YHCT	Châm tê nhổ răng khôn mọc lệch 900 hoặc ngầm dưới lợi, dưới niêm mạc, phải chụp phim răng để chẩn đoán xác định và chọn phương pháp phẫu thuật	8.56
3820056	5992	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật lấy tủy chân răng một chân hàng loạt 2 - 3 răng, lấy tủy chân răng nhiều chân	8.57
3820057	5993	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt hạch lao to vùng cổ	8.58
3820058	5994	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật nạo áp xe lạnh hố chậu	8.59
3820059	5995	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật nạo áp xe lạnh hố lưng	8.60
3820060	5996	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành	8.61
3820061	5997	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	8.62
3820062	5998	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật tắc ruột do dây chằng	8.63
3820063	5999	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u mạc treo có cắt ruột	8.64
3820064	6000	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo	8.65
3820065	6001	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật sa trực tràng không cắt ruột	8.66
3820066	6002	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt bỏ trĩ vòng	8.67

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820067	6003	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật nối vị tràng	8.68
3820068	6004	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u mạc treo không cắt ruột	8.69
3820069	6005	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt trĩ từ 2 bó trở lên	8.70
3820070	6006	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật mở thông dạ dày	8.71
3820071	6007	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe ruột thừa	8.72
3820072	6008	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt ruột thừa ở vị trí bình thường	8.73
3820073	6009	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	8.74
3820074	6010	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật nối nang tụy - hồng tràng	8.75
3820075	6011	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt toàn bộ thận và niệu quản	8.76
3820076	6012	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật lấy sỏi mở bể thận trong xoang	8.77
3820077	6013	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt một nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang	8.78
3820078	6014	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật dẫn lưu thận qua da	8.79
3820079	6015	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật dẫn lưu nước tiểu bàng quang	8.80
3820080	6016	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật	8.81
3820081	6017	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	8.82
3820082	6018	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe khoang retzius	8.83
3820083	6019	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	8.84
3820084	6020	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	8.85
3820085	6021	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt hẹp bao quy đầu	8.86
3820086	6022	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt túi thừa niệu đạo	8.87
3820087	6023	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	8.88
3820088	6024	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt cụt cổ tử cung	8.89
3820089	6025	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật treo tử cung	8.90
3820090	6026	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật khâu vòng cổ tử cung	8.91
3820091	6027	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật điều trị hẹp môn vị phì đại	8.92
3820092	6028	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	8.93

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820093	6029	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	8.94
3820094	6030	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật phẫu thuật bàn chân thường	8.95
3820095	6031	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai 2 xương cẳng tay	8.96
3820096	6032	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật phẫu thuật vết thương khớp	8.97
3820097	6033	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật nối gân gấp cổ chân	8.98
3820098	6034	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật lấy bỏ toàn bộ xương bánh chè	8.99
3820099	6035	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt cụt cẳng chân	8.100
3820100	6036	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật khâu vết thương phần mềm vùng đầu - cổ	8.101
3820101	6037	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u lành dương vật	8.102
3820102	6038	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u nang thừng tinh	8.103
3820103	6039	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	8.104
3820104	6040	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u nang tuyến giáp	8.105
3820105	6041	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u tuyến giáp	8.106
3820106	6042	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm	8.107
3820107	6043	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt polyp tử cung	8.108
3820108	6044	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u thành âm đạo	8.109
3820109	6045	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật bóc nhân tuyến giáp	8.110
3820110	6046	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u da đầu lành, đường kính trên 5 cm	8.111
3820111	6047	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật cắt u da đầu lành, đường kính từ 2- 5 cm	8.112
3820112	6048	08. YHCT	Châm tê phẫu thuật quặm	8.113
3820113	6049	08. YHCT	Điện mãng châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	8.114
3820114	6050	08. YHCT	Điện mãng châm điều trị béo phì	8.115
3820115	6051	08. YHCT	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	8.116
3820116	6052	08. YHCT	Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	8.117
3820117	6053	08. YHCT	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	8.118
3820118	6054	08. YHCT	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	8.119
3820119	6055	08. YHCT	Điện mãng châm điều trị trĩ	8.120

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820120	6056	08. YHCT	Điện mẫn châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	8.121
3820121	6057	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	8.122
3820122	6058	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	8.123
3820123	6059	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị sa tử cung	8.124
3820124	6060	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	8.125
3820125	6061	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị đái dầm	8.126
3820126	6062	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị thống kinh	8.127
3820127	6063	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	8.128
3820128	6064	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền đình	8.129
3820129	6065	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy	8.130
3820130	6066	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị hen phế quản	8.131
3820131	6067	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị huyết áp thấp	8.132
3820132	6068	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	8.133
3820133	6069	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị tắc tia sữa	8.134
3820134	6070	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	8.135
3820135	6071	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị thất vận ngôn	8.136
3820136	6072	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh V	8.137
3820137	6073	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	8.138
3820138	6074	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	8.139
3820139	6075	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị khàn tiếng	8.140
3820140	6076	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên	8.141
3820141	6077	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới	8.142
3820142	6078	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị đau hố mắt	8.143
3820143	6079	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị viêm kết mạc	8.144
3820144	6080	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị giảm thị lực	8.145
3820145	6081	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị	8.146
3820146	6082	08. YHCT	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	8.147

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820147	6083	08. YHCT	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	8.148
3820148	6084	08. YHCT	Điện mẫn châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	8.149
3820149	6085	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị táo bón kéo dài	8.150
3820150	6086	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị viêm mũi xoang	8.151
3820151	6087	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiêu hóa	8.152
3820152	6088	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị đau răng	8.153
3820153	6089	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	8.154
3820154	6090	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị viêm quanh khớp vai	8.155
3820155	6091	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	8.156
3820156	6092	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị đau lưng	8.157
3820157	6093	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị di tinh	8.158
3820158	6094	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị liệt dương	8.159
3820159	6095	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị rối loạn tiểu tiện	8.160
3820160	6096	08. YHCT	Điện mẫn châm điều trị bí đái cơ năng	8.161
3820161	6097	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	8.162
3820162	6098	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	8.163
3820163	6099	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	8.164
3820164	6100	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	8.165
3820165	6101	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	8.166
3820166	6102	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	8.167
3820167	6103	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	8.168
3820168	6104	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	8.169
3820169	6105	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	8.170
3820170	6106	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	8.171
3820171	6107	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị nôn	8.172
3820172	6108	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị nấc	8.173
3820173	6109	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	8.174
3820174	6110	08. YHCT	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị viêm Amidan	8.175

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820175	6111	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	8.176
3820176	6112	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	8.177
3820177	6113	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng	8.178
3820178	6114	08. YHCT	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	8.179
3820179	6115	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	8.180
3820180	6116	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em	8.181
3820181	6117	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	8.182
3820182	6118	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	8.183
3820183	6119	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quận thận	8.184
3820184	6120	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	8.185
3820185	6121	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị di tinh	8.186
3820186	6122	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	8.187
3820187	6123	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	8.188
3820188	6124	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	8.189
3820189	6125	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	8.190
3820190	6126	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	8.191
3820191	6127	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	8.192
3820192	6128	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	8.193
3820193	6129	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	8.194
3820194	6130	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	8.195
3820195	6131	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	8.196
3820196	6132	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	8.197
3820197	6133	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	8.198
3820198	6134	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	8.199
3820199	6135	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	8.200
3820200	6136	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	8.201
3820201	6137	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	8.202
3820202	6138	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	8.203

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820203	6139	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	8.204
3820204	6140	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	8.205
3820205	6141	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	8.206
3820206	6142	08. YHCT	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	8.207
3820207	6143	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	8.208
3820208	6144	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	8.209
3820209	6145	08. YHCT	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	8.210
3820210	6146	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	8.211
3820211	6147	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	8.212
3820212	6148	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	8.213
3820213	6149	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị nghiện rượu	8.214
3820214	6150	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	8.215
3820215	6151	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	8.216
3820216	6152	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	8.217
3820217	6153	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	8.218
3820218	6154	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	8.219
3820219	6155	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	8.220
3820220	6156	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	8.221
3820221	6157	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	8.222
3820222	6158	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	8.223
3820223	6159	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	8.224
3820224	6160	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do zona	8.225
3820225	6161	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	8.226
3820226	6162	08. YHCT	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt	8.227
3820227	6163	08. YHCT	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	8.228
3820228	6164	08. YHCT	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược	8.229
3820229	6165	08. YHCT	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	8.230
3820230	6166	08. YHCT	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	8.231

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820231	6167	08. YHCT	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng	8.232
3820232	6168	08. YHCT	Cây chỉ điều trị mày đay	8.233
3820233	6169	08. YHCT	Cây chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến	8.234
3820234	6170	08. YHCT	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	8.235
3820235	6171	08. YHCT	Cây chỉ điều trị giảm thị lực	8.236
3820236	6172	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	8.237
3820237	6173	08. YHCT	Cây chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	8.238
3820238	6174	08. YHCT	Cây chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	8.239
3820239	6175	08. YHCT	Cây chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	8.240
3820240	6176	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	8.241
3820241	6177	08. YHCT	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	8.242
3820242	6178	08. YHCT	Cây chỉ điều trị mất ngủ	8.243
3820243	6179	08. YHCT	Cây chỉ điều trị nấc	8.244
3820244	6180	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình	8.245
3820245	6181	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	8.246
3820246	6182	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hen phế quản	8.247
3820247	6183	08. YHCT	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	8.248
3820248	6184	08. YHCT	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	8.249
3820249	6185	08. YHCT	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	8.250
3820250	6186	08. YHCT	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	8.251
3820251	6187	08. YHCT	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn	8.252
3820252	6188	08. YHCT	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	8.253
3820253	6189	08. YHCT	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	8.254
3820254	6190	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	8.255
3820255	6191	08. YHCT	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	8.256
3820256	6192	08. YHCT	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	8.257
3820257	6193	08. YHCT	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	8.258
3820258	6194	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy	8.259
3820259	6195	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá	8.260
3820260	6196	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu	8.261

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820261	6197	08. YHCT	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang	8.262
3820262	6198	08. YHCT	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	8.263
3820263	6199	08. YHCT	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài	8.264
3820264	6200	08. YHCT	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	8.265
3820265	6201	08. YHCT	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	8.266
3820266	6202	08. YHCT	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	8.267
3820267	6203	08. YHCT	Cây chỉ điều trị đau lưng	8.268
3820268	6204	08. YHCT	Cây chỉ điều trị đái dầm	8.269
3820269	6205	08. YHCT	Cây chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	8.270
3820270	6206	08. YHCT	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	8.271
3820271	6207	08. YHCT	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh	8.272
3820272	6208	08. YHCT	Cây chỉ điều trị sa tử cung	8.273
3820273	6209	08. YHCT	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	8.274
3820274	6210	08. YHCT	Cây chỉ điều trị di tinh	8.275
3820275	6211	08. YHCT	Cây chỉ điều trị liệt dương	8.276
3820276	6212	08. YHCT	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	8.277
3820277	6213	08. YHCT	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	8.278
3820278	6214	08. YHCT	Điện châm điều trị huyết áp thấp	8.279
3820279	6215	08. YHCT	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	8.280
3820280	6216	08. YHCT	Điện châm điều trị hội chứng stress	8.281
3820281	6217	08. YHCT	Điện châm điều trị cảm mạo	8.282
3820282	6218	08. YHCT	Điện châm điều trị viêm Amidan	8.283
3820283	6219	08. YHCT	Điện châm điều trị trĩ	8.284
3820284	6220	08. YHCT	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	8.285
3820285	6221	08. YHCT	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em	8.286
3820286	6222	08. YHCT	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	8.287
3820287	6223	08. YHCT	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	8.288
3820288	6224	08. YHCT	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	8.289
3820289	6225	08. YHCT	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	8.290
3820290	6226	08. YHCT	Điện châm điều trị viêm bàng quang	8.291

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820291	6227	08. YHCT	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	8.292
3820292	6228	08. YHCT	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	8.293
3820293	6229	08. YHCT	Điện châm điều trị sa tử cung	8.294
3820294	6230	08. YHCT	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	8.295
3820295	6231	08. YHCT	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	8.296
3820296	6232	08. YHCT	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	8.297
3820297	6233	08. YHCT	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	8.298
3820298	6234	08. YHCT	Điện châm điều trị khàn tiếng	8.299
3820299	6235	08. YHCT	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	8.300
3820300	6236	08. YHCT	Điện châm điều trị liệt chi trên	8.301
3820301	6237	08. YHCT	Điện châm điều trị chắp lẹo	8.302
3820302	6238	08. YHCT	Điện châm điều trị đau hồ mắt	8.303
3820303	6239	08. YHCT	Điện châm điều trị viêm kết mạc	8.304
3820304	6240	08. YHCT	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	8.305
3820305	6241	08. YHCT	Điện châm điều trị lác cơ năng	8.306
3820306	6242	08. YHCT	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	8.307
3820307	6243	08. YHCT	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	8.308
3820308	6244	08. YHCT	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	8.309
3820309	6245	08. YHCT	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	8.310
3820310	6246	08. YHCT	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	8.311
3820311	6247	08. YHCT	Điện châm điều trị đau răng	8.312
3820312	6248	08. YHCT	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	8.313
3820313	6249	08. YHCT	Điện châm điều trị ù tai	8.314
3820314	6250	08. YHCT	Điện châm điều trị giảm khứu giác	8.315
3820315	6251	08. YHCT	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	8.316
3820316	6252	08. YHCT	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	8.317
3820317	6253	08. YHCT	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	8.318
3820318	6254	08. YHCT	Điện châm điều trị giảm đau do zona	8.319
3820319	6255	08. YHCT	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	8.320

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820320	6256	08. YHCT	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	8.321
3820321	6257	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	8.322
3820322	6258	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	8.323
3820323	6259	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	8.324
3820324	6260	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	8.325
3820325	6261	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị nấc	8.326
3820326	6262	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	8.327
3820327	6263	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	8.328
3820328	6264	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị béo phì	8.329
3820329	6265	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	8.330
3820330	6266	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	8.331
3820331	6267	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	8.332
3820332	6268	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị trĩ	8.333
3820333	6269	08. YHCT	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	8.334
3820334	6270	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị mày đay	8.335
3820335	6271	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	8.336
3820336	6272	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược	8.337
3820337	6273	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	8.338
3820338	6274	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	8.339
3820339	6275	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	8.340
3820340	6276	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	8.341
3820341	6277	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	8.342
3820342	6278	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	8.343
3820343	6279	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	8.344
3820344	6280	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	8.345
3820345	6281	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị sa tử cung	8.346
3820346	6282	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	8.347
3820347	6283	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị thống kinh	8.348
3820348	6284	08. YHCT	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	8.349

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820349	6285	08. YHCT	Thủy châm điều trị đái dầm	8.350
3820350	6286	08. YHCT	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	8.351
3820351	6287	08. YHCT	Thủy châm điều trị đau vai gáy	8.352
3820352	6288	08. YHCT	Thủy châm điều trị hen phế quản	8.353
3820353	6289	08. YHCT	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	8.354
3820354	6290	08. YHCT	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	8.355
3820355	6291	08. YHCT	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	8.356
3820356	6292	08. YHCT	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	8.357
3820357	6293	08. YHCT	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	8.358
3820358	6294	08. YHCT	Thủy châm điều trị đau dây V	8.359
3820359	6295	08. YHCT	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	8.360
3820360	6296	08. YHCT	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	8.361
3820361	6297	08. YHCT	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	8.362
3820362	6298	08. YHCT	Thủy châm điều trị khàn tiếng	8.363
3820363	6299	08. YHCT	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	8.364
3820364	6300	08. YHCT	Thủy châm điều trị liệt chi trên	8.365
3820365	6301	08. YHCT	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	8.366
3820366	6302	08. YHCT	Thủy châm điều trị sụp mi	8.367
3820367	6303	08. YHCT	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	8.368
3820368	6304	08. YHCT	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	8.369
3820369	6305	08. YHCT	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	8.370
3820370	6306	08. YHCT	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	8.371
3820371	6307	08. YHCT	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	8.372
3820372	6308	08. YHCT	Thủy châm điều trị đau răng	8.373
3820373	6309	08. YHCT	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	8.374
3820374	6310	08. YHCT	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	8.375
3820375	6311	08. YHCT	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	8.376
3820376	6312	08. YHCT	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	8.377
3820377	6313	08. YHCT	Thủy châm điều trị đau lưng	8.378

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820378	6314	08. YHCT	Thủy châm điều trị sụp mi	8.379
3820379	6315	08. YHCT	Thủy châm điều trị đau hồ mắt	8.380
3820380	6316	08. YHCT	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	8.381
3820381	6317	08. YHCT	Thủy châm điều trị lác cơ năng	8.382
3820382	6318	08. YHCT	Thủy châm điều trị giảm thị lực	8.383
3820383	6319	08. YHCT	Thủy châm điều trị viêm bàng quang	8.384
3820384	6320	08. YHCT	Thủy châm điều trị di tinh	8.385
3820385	6321	08. YHCT	Thủy châm điều trị liệt dương	8.386
3820386	6322	08. YHCT	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	8.387
3820387	6323	08. YHCT	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	8.388
3820388	6324	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	8.389
3820389	6325	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	8.390
3820390	6326	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	8.391
3820391	6327	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	8.392
3820392	6328	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	8.393
3820393	6329	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	8.394
3820394	6330	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	8.395
3820395	6331	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	8.396
3820396	6332	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	8.397
3820397	6333	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	8.398
3820398	6334	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	8.399
3820399	6335	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	8.400
3820400	6336	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác	8.401
3820401	6337	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	8.402
3820402	6338	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu	8.403
3820403	6339	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	8.404
3820404	6340	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	8.405
3820405	6341	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn	8.406

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
			suy nhược	
3820406	6342	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	8.407
3820407	6343	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	8.408
3820408	6344	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	8.409
3820409	6345	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress	8.410
3820410	6346	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	8.411
3820411	6347	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	8.412
3820412	6348	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	8.413
3820413	6349	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	8.414
3820414	6350	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	8.415
3820415	6351	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	8.416
3820416	6352	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng	8.417
3820417	6353	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực	8.418
3820418	6354	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	8.419
3820419	6355	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực	8.420
3820420	6356	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	8.421
3820421	6357	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản	8.422
3820422	6358	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	8.423
3820423	6359	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	8.424
3820424	6360	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	8.425
3820425	6361	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	8.426
3820426	6362	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị nấc	8.427
3820427	6363	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	8.428
3820428	6364	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hóa khớp	8.429
3820429	6365	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	8.430
3820430	6366	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	8.431
3820431	6367	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội	8.432

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
			chứng vai gáy	
3820432	6368	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	8.433
3820433	6369	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	8.434
3820434	6370	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	8.435
3820435	6371	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	8.436
3820436	6372	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	8.437
3820437	6373	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	8.438
3820438	6374	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	8.439
3820439	6375	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	8.440
3820440	6376	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	8.441
3820441	6377	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	8.442
3820442	6378	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	8.443
3820443	6379	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	8.444
3820444	6380	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	8.445
3820445	6381	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	8.446
3820446	6382	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	8.447
3820447	6383	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	8.448
3820448	6384	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	8.449
3820449	6385	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	8.450
3820450	6386	08. YHCT	Cứu điều trị hội chứng thất lưng-hông thể phong hàn	8.451
3820451	6387	08. YHCT	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	8.452
3820452	6388	08. YHCT	Cứu điều trị nấc thể hàn	8.453
3820453	6389	08. YHCT	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	8.454
3820454	6390	08. YHCT	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	8.455
3820455	6391	08. YHCT	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	8.456
3820456	6392	08. YHCT	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	8.457
3820457	6393	08. YHCT	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	8.458

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3820458	6394	08. YHCT	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	8.459
3820459	6395	08. YHCT	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	8.460
3820460	6396	08. YHCT	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	8.461
3820461	6397	08. YHCT	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	8.462
3820462	6398	08. YHCT	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	8.463
3820463	6399	08. YHCT	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	8.464
3820464	6400	08. YHCT	Cứu điều trị di tinh thể hàn	8.465
3820465	6401	08. YHCT	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	8.466
3820466	6402	08. YHCT	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	8.467
3820467	6403	08. YHCT	Cứu điều trị bí đái thể hàn	8.468
3820468	6404	08. YHCT	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	8.469
3820469	6405	08. YHCT	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	8.470
3820470	6406	08. YHCT	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	8.471
3820471	6407	08. YHCT	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	8.472
3820472	6408	08. YHCT	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	8.473
3820473	6409	08. YHCT	Cứu điều trị giảm khứ giác thể hàn	8.474
3820474	6410	08. YHCT	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	8.475
3820475	6411	08. YHCT	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	8.476
3820476	6412	08. YHCT	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	8.477
3820477	6413	08. YHCT	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	8.478
3820478	6414	08. YHCT	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	8.479
3820479	6415	08. YHCT	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	8.480
3820480	6416	08. YHCT	Giác hơi điều trị các chứng đau	8.481
3820481	6417	08. YHCT	Giác hơi điều trị cảm cúm	8.482
3820482	6418	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết bằng tay	8.483
3820483	6419	08. YHCT	Xoa bóp bấm huyết bằng máy	8.484
3820484	6420	08. YHCT	Giác hơi	8.485
3820485	6421	08. YHCT	Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT	8.486
3820486	6422	08. YHCT	Điều trị lão hóa da sử dụng kim dẫn thuốc	BS_8.487
3820487	6423	08. YHCT	Hỏa trị liệu	BS_8.488
3810426			Điện châm*	3.697

MÃ DÙNG CHUNG	STT TRONG TT 23/2024/TT-BYT	CHƯƠNG	KỸ THUẬT	MÃ
3810427			Điện mẫn châm*	3.698
3810428			Điện nhĩ châm*	3.699
3810429			Cây chỉ*	3.700
3810430			Xoa bóp bấm huyết bằng tay*	3.701
3810431			Xoa bóp bấm huyết bằng máy*	3.702
3810432			Mẫn châm*	3.703
3810433			Thủy châm*	3.704
3810434			Cứu*	3.705
3820488			Điện mẫn châm*	8.490
3820489			Điện nhĩ châm*	8.491

Đối với các kỹ thuật đánh dấu * có mã dùng chung từ 3810426 đến 3820489 chỉ thực hiện khi Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.